

TÀI LIỆU HỌC TẬP

Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới

Để phát huy các thành quả đã đạt được sau hơn 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, khắc phục khó khăn, hạn chế và tranh thủ tối đa cơ hội, vượt qua thách thức mà những chuyển biến nhanh, phức tạp của tình hình thế giới và khu vực đặt ra, đồng thời đáp ứng yêu cầu cấp bách về triển khai hội nhập quốc tế đồng bộ, chủ động, tích cực, toàn diện, sâu rộng, chất lượng và hiệu quả hơn để thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (Nghị quyết số 59-NQ/TW).

I. Ý NGHĨA VÀ QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT SỐ 59-NQ/TW

- Tiếp nối Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận khác về đối ngoại và hội nhập quốc tế của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Nghị quyết số 59-NQ/TW là văn bản chỉ đạo quan trọng, mang tính tổng thể của Đảng về hội nhập quốc tế, đề ra các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và định hướng nhiệm vụ, giải pháp lớn để nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính đồng bộ, toàn diện, sâu rộng của hội nhập quốc tế trong tình hình mới, đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW thể hiện bước phát triển mới về tư duy, cách tiếp cận, chủ trương và phương cách triển khai hội nhập quốc tế của nước ta trong tình hình mới; khẳng định tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; đề cao vai trò chủ động, tích cực của người dân và doanh nghiệp và địa phương; khẳng định Việt Nam sẵn sàng “đóng góp, tham gia xây dựng, định hình” và đóng vai trò “nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải” trong các vấn đề khu vực và quốc tế; đồng thời, lần đầu tiên đưa hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo thành một nhóm giải pháp riêng, độc lập, theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW được xây dựng trên cơ sở nội dung Đề án “Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế”. Quá trình xây dựng Nghị quyết số 59-NQ/TW có sự tham gia, đóng góp của tất cả các ban, bộ, ngành và địa phương, các đồng chí nguyên Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các chuyên gia, học giả trong lĩnh vực hội nhập quốc tế.

II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết đề ra các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo và các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn để triển khai hội nhập quốc tế đồng bộ, chủ động, tích cực, toàn diện, sâu rộng, chất lượng và hiệu quả hơn. Các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu và quan điểm chỉ đạo

1.1. Mục tiêu tổng quát: Nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính đồng bộ, toàn diện, sâu rộng, của hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần thiết thực xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Tranh thủ tối đa các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài để xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, phát triển nhanh, bền vững; hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; không ngừng cải thiện toàn diện đời sống nhân dân, vì hạnh phúc của Nhân dân; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam; tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia; nâng cao vai trò, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước. Phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) *Hội nhập kinh tế quốc tế:* Phát huy vai trò tiên phong, trung tâm của hội nhập kinh tế quốc tế trong huy động nguồn lực, tri thức, kinh nghiệm quốc tế, nắm bắt và thích ứng với các xu thế quốc tế quan trọng để phục vụ phát triển và bảo vệ đất nước. Mở rộng và đa dạng hóa thị trường; nâng cao giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học công nghệ trong thương mại và phát triển bền vững. Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm của Việt Nam; xây dựng các thương hiệu mạnh và có vị trí cao hơn trong chuỗi giá trị và cung ứng toàn cầu. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác, thu hút đầu tư nước ngoài; khả năng hấp thụ và chuyển giao công nghệ; năng lực quản trị quốc gia và doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, đào tạo nhân lực chất lượng cao. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh kinh tế và an ninh tài chính quốc gia. Xây dựng, phát triển trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam theo đúng tiến độ, lộ trình trên tinh thần đổi mới mạnh mẽ để phát triển bứt phá.

b) *Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh:* Giữ vững môi trường hòa bình và cục diện đối ngoại thuận lợi. Xây dựng, củng cố lòng tin chiến lược, gia tăng đan xen lợi ích nhằm ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, xung đột. Phát huy vai trò và thế mạnh đối ngoại quốc phòng và đối ngoại công an nhân dân trong hòa giải nghị kỳ, bất đồng, gia tăng tin cậy, mở đường cho hợp tác, hội nhập trong một số lĩnh vực khác, nhất là các lĩnh vực kinh tế mới nổi. Bảo đảm Việt Nam luôn ở trong số các quốc gia có môi trường hòa bình, an toàn nhất thế giới. Củng cố khuôn khổ quan hệ với các đối tác, các tổ chức quốc tế đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững, mang lại hiệu quả thiết thực. Nâng cao vai trò, đóng góp tích cực, chủ động hơn của Việt Nam trong nỗ lực chung của cộng

đồng quốc tế vì hòa bình, hợp tác và phát triển. Phần đầu là thành viên nòng cốt tại một số cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế, trọng tâm là ASEAN, Liên hợp quốc, khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Đẩy mạnh xây dựng nền ngoại giao toàn diện, hiện đại, chuyên nghiệp, đồng bộ với ba trụ cột là đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Kết hợp nội lực với tranh thủ ngoại lực, tăng cường tiềm lực, khả năng tự chủ, tự lực, tự cường về quốc phòng, an ninh; xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

c) *Hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác*: Nâng cao chất lượng hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ, đi đôi với quản trị rủi ro công nghệ; chú trọng tiếp thu công nghệ và tiến tới làm chủ một số công nghệ chủ chốt. Phần đầu đến năm 2030, Việt Nam thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới về Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu và liên tục nâng hạng vào các năm tiếp theo; ít nhất 40% tổng số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo; đưa Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch quốc tế, thuộc nhóm 30 quốc gia có năng lực cạnh tranh du lịch hàng đầu thế giới; hoàn thành cơ bản các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên hợp quốc; đưa nền giáo dục và hệ thống y tế Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; phát triển một số trường đại học lớn trong nhóm hàng đầu khu vực châu Á - Thái Bình Dương và nhóm 100 trường đại học hàng đầu thế giới.

d) *Nâng cao năng lực và bản lĩnh chính trị hội nhập quốc tế*: Nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và điều phối hoạt động hội nhập quốc tế; công tác nội luật hóa và năng lực thực thi pháp luật, cam kết, thỏa thuận quốc tế. Tạo chuyển biến căn bản về chất lượng nhân lực và năng lực hội nhập quốc tế của đội ngũ cán bộ các cấp, ngang tầm với trình độ khu vực. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nhất là cho thế hệ trẻ, ngăn chặn hiệu quả âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

1.3. Quan điểm chỉ đạo

- Giữ vững định hướng chính trị; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại, kết hợp chặt chẽ với quốc phòng, an ninh trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả nhằm phát huy tiềm năng, thế và lực mới của đất nước, tạo động lực quan trọng để phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa; bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là trên hết và trước hết, đồng thời tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

- Hội nhập quốc tế là sự nghiệp của cả hệ thống chính trị và toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước; người dân và doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, động lực và lực lượng chủ công. Mọi cơ chế, chính sách phải xuất phát từ quyền và lợi ích của Nhân dân. Phát huy mạnh mẽ ý chí tự lực, tự cường, tự tin, tự hào dân tộc; sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; tính chủ

động, tích cực, sáng tạo của mọi tổ chức, cá nhân; khai thác tiềm năng của toàn xã hội, các tầng lớp nhân dân và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

- Hội nhập quốc tế phải trên cơ sở nội lực có vai trò quyết định, gia tăng và phát huy tối đa nội lực đi đôi với tranh thủ hiệu quả ngoại lực là quan trọng, gắn kết chặt chẽ và góp phần tích cực hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng nhân lực, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nâng cao sức mạnh tổng hợp và năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực phải gắn kết chặt chẽ, bổ sung cho nhau, triển khai đồng bộ, toàn diện và hiệu quả, liên ngành trong một chiến lược tổng thể, có trọng tâm, trọng điểm, với lộ trình và bước đi phù hợp. Hội nhập kinh tế là trung tâm, hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế, góp phần củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, đưa nền kinh tế tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu, tạo động lực mới cho đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh; không tham gia vào các tập hợp lực lượng, liên minh của bên này chống bên kia; kiên định về nguyên tắc, mục tiêu chiến lược, giữ vững thể chủ động, linh hoạt về sách lược và trong xử lý các vấn đề nảy sinh.

- Tôn trọng và thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, đồng thời chủ động vận dụng hiệu quả hệ thống quy tắc, luật lệ, chuẩn mực chung và các cơ chế đa phương nhằm bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Tiếp tục đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương; sẵn sàng đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải trong những vấn đề phù hợp với khả năng và lợi ích của đất nước; chủ động đóng góp trí tuệ, nguồn lực vào gìn giữ hòa bình, thúc đẩy hợp tác và phát triển quốc tế.

2. Các phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp lớn

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; đổi mới tư duy, nhận thức và hành động trong hội nhập quốc tế trong tình hình mới

- Thống nhất nhận thức từ Trung ương tới địa phương và đến từng người dân về chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả là một định hướng chiến lược lớn của Đảng, là một động lực quan trọng để phát triển và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

- Phổ biến, quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế; về các yêu cầu, nhiệm vụ, cơ hội, quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của Việt Nam trong hội nhập quốc tế, đặc biệt là trách nhiệm pháp lý trong thực thi cam kết, coi đây là nhiệm vụ quan trọng của hệ thống chính trị.

- Tích cực đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại và hội nhập quốc tế; nâng cao nhận thức về hội nhập quốc tế đi đôi với bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước.

- Chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng hội nhập quốc tế để chống phá Việt Nam. Chủ động ứng phó hiệu quả với các tác động tiêu cực trong tiến trình hội nhập quốc tế.

2.2. Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế phục vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số

- Tận dụng hiệu quả các thỏa thuận, liên kết kinh tế quốc tế, nhất là các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, tăng cường đan xen lợi ích. Tiếp tục hoàn thiện thể chế để nâng cao năng lực thực thi cam kết quốc tế. Tham gia có chọn lọc các sáng kiến hợp tác kinh tế quốc tế mới, phù hợp với lợi ích, khả năng và điều kiện cụ thể của nước ta.

- Tích cực thúc đẩy kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển thị trường các-bon thấp, giảm phát thải khí nhà kính. Tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi sản xuất, giá trị và cung ứng toàn cầu, thu hút đầu tư chất lượng cao và các lĩnh vực khác có tiềm năng tạo động lực mới cho tăng trưởng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp nhằm đẩy mạnh thu hút FDI chất lượng cao, nhất là của các tập đoàn lớn toàn cầu, có vai trò dẫn dắt một số chuỗi cung ứng quan trọng, như công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo,...; ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, các khu công nghiệp sinh thái - thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo, logistics, các dự án cơ sở hạ tầng chiến lược, trong đó có hạ tầng giao thông. Khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, kinh doanh có hiệu quả ở nước ngoài; xây dựng và bảo vệ các thương hiệu quốc gia đạt tầm quốc tế.

- Nâng cao năng lực, phát huy vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề trong đẩy mạnh liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước; giữa doanh nghiệp Việt Nam với khu vực đầu tư nước ngoài; phát triển văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân đáp ứng yêu cầu hội nhập; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng phòng ngừa, ứng phó với các tranh chấp phát sinh trong quan hệ đầu tư, thương mại quốc tế. Có chính sách phù hợp để thúc đẩy khu vực đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ, quản trị, kỹ năng chuyên môn cao cho doanh nghiệp và người lao động Việt Nam.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ, căn bản về cải cách thể chế, cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư thuận lợi, an toàn, bảo đảm nguyên tắc minh bạch. Xây dựng các cơ chế, chính sách thuận lợi cho việc phát triển và áp dụng mô hình kinh tế mới, mô hình quản trị và kinh doanh tiên tiến, và khung hỗ trợ một số ngành mới nổi.

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng thể chế tài chính bảo đảm tính đầy đủ, đồng bộ và hội nhập. Xây dựng và triển khai Chiến lược hội nhập quốc tế trong lĩnh vực tiền tệ - ngân hàng. Tích cực thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính xanh, tín dụng xanh ưu đãi.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Chủ động hình thành một số cơ chế thử nghiệm có kiểm soát để tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển đột phá trong một số lĩnh vực mới, tiềm năng.

- Giám sát chặt chẽ việc triển khai các thỏa thuận, liên kết kinh tế quốc tế để bảo đảm an ninh kinh tế, an toàn, an ninh tài chính quốc gia, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh phi truyền thống khác. Chủ động quản lý chặt chẽ việc mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp, bảo đảm quốc phòng, an ninh và tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

- Đẩy mạnh tham gia, đóng góp tích cực và phát huy vai trò tại các tổ chức, cơ chế hợp tác song phương, đa phương và nhiều bên về kinh tế, thương mại, đầu tư, tài chính - tiền tệ, phù hợp với nhu cầu, lợi ích, điều kiện cụ thể của Việt Nam. Gắn kết việc triển khai và tận dụng tốt nguồn lực của các chương trình, sáng kiến hợp tác trong khuôn khổ các cơ chế hợp tác, tổ chức quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2.3. Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh sâu rộng, toàn diện và hiệu quả hơn, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, nâng cao tiềm lực và vị thế quốc tế của đất nước

- Tăng cường và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các nước láng giềng, các nước lớn, các nước Đông Nam Á, các đối tác quan trọng khác và bạn bè truyền thống, gia tăng tin cậy chính trị và hiệu quả hợp tác. Khai thác hiệu quả mạng lưới các quan hệ đối tác, các khuôn khổ quan hệ, nhất là các đối tác chiến lược toàn diện, đã được xác lập để tranh thủ nguồn lực cho phát triển, với kết quả cụ thể, thực chất, toàn diện, gia tăng mức độ gắn kết, đan xen lợi ích lâu dài; mở rộng sang các lĩnh vực hợp tác mới, đối tác mới phù hợp với lợi ích, nhu cầu và điều kiện của đất nước.

- Chủ động, tích cực đảm nhận trọng trách và nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải trên những lĩnh vực phù hợp với khả năng, lợi ích của ta tại các tổ chức, diễn đàn, cơ chế hợp tác khu vực và quốc tế, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, hợp tác tiểu vùng Mê Công, Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) và các cơ chế hợp tác mới ở châu Á - Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

- Chủ động tham gia, tích cực đóng góp và nâng cao vai trò trong xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự chính trị - kinh tế quốc tế công bằng, dân chủ và bền vững; cải tổ, đổi mới các định chế quản trị khu vực và toàn cầu, luật pháp và chuẩn mực quốc tế, trên cơ sở vừa bảo đảm lợi ích

quốc gia - dân tộc, hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, vì hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

- Chủ động, tích cực đóng góp có trách nhiệm vào các nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong giữ gìn hòa bình, bảo đảm an ninh con người; các hoạt động nhân đạo, cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, chiến tranh và các vấn đề mới nổi lên có tầm quan trọng chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể của đất nước. Tăng cường hợp tác, phối hợp với các đối tác quốc tế để sớm nhận diện và chủ động ứng phó, xử lý hiệu quả các nguy cơ, thách thức an ninh phi truyền thống.

- Mở rộng, tăng cường, làm sâu sắc và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại đảng, định hướng cho hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; chủ động, tích cực tham gia, phát huy vai trò tại các diễn đàn đa phương chính đảng, góp phần nâng cao uy tín, vị thế và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ đối với Việt Nam. Đẩy mạnh đối ngoại nghị viện, đối ngoại nhân dân, củng cố nền tảng xã hội cho các mối quan hệ đối ngoại, tăng cường sự hiểu biết, tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước.

- Tiếp tục mở rộng, nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đưa đối ngoại quốc phòng, an ninh trở thành một trụ cột trong quan hệ với các nước liên quan, phù hợp với tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Thúc đẩy mở rộng, đa dạng hóa đối tác hợp tác quốc phòng, an ninh, phù hợp với nhu cầu, năng lực, tầm mức quan hệ, tranh thủ hiệu quả nguồn lực quốc tế để xây dựng, phát triển nền công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh tự chủ, tự lực, tự cường, hiện đại, lưỡng dụng. Thúc đẩy hợp tác phát triển công nghiệp an ninh mạng, hợp tác về an ninh biên, phòng, chống khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm sử dụng công nghệ cao, tội phạm ma túy, rửa tiền, mua bán người và giải quyết các thách thức an ninh phi truyền thống khác. Đẩy mạnh công tác đối ngoại biên giới, củng cố vành đai an ninh của đất nước.

2.4. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển bền vững và hiện đại hóa đất nước

- Thúc đẩy hình thành và triển khai hiệu quả các khuôn khổ hợp tác, liên kết song phương và đa phương trong lĩnh vực khoa học công nghệ số, đổi mới sáng tạo và chuyên đổi số; ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới; thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp. Tích cực huy động, tranh thủ nguồn lực quốc tế để phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn, khởi nghiệp...

- Đưa các chuẩn mực, quy định về khoa học, công nghệ trong nước tiệm cận với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến. Thu hút các tập đoàn công nghệ lớn đặt trung tâm nghiên cứu và phát triển và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Tham gia Mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu và các cơ chế hợp tác khác phù hợp với nhu cầu của Việt Nam.

- Tranh thủ nguồn lực quốc tế, phát huy mạnh mẽ nguồn nhân lực trong nước, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, có trình độ về công nghệ mới, đặc biệt trong các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, các ngành mới nổi và các lĩnh vực đổi mới sáng tạo. Thu hút và trọng dụng nhân tài, bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học và trí thức quốc tế và người Việt Nam ở nước ngoài.

2.5. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác

- Đẩy mạnh hợp tác song phương; tích cực tham gia, đóng góp và đảm nhiệm các trọng trách quốc tế tại các cơ chế đa phương trong lĩnh vực liên quan, phù hợp với lợi ích của Việt Nam. Chủ động đề xuất, dẫn dắt các sáng kiến hợp tác và chia sẻ kinh nghiệm trong các vấn đề Việt Nam có thế mạnh, trong đó có giảm nghèo bền vững, an ninh lương thực, bảo vệ quyền trẻ em, y tế, bình đẳng giới.

- Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy và quảng bá văn hóa dân tộc. Đẩy mạnh thu hút trí thức, nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp nội dung; hình thành các sản phẩm, thương hiệu văn hóa có chất lượng và năng lực cạnh tranh toàn cầu. Tăng cường quản lý, ngăn chặn sự xâm nhập của sản phẩm văn hóa không lành mạnh. Đăng cai tổ chức, tăng cường hiện diện của Việt Nam tại các sự kiện quốc tế lớn về văn hóa, thể thao và du lịch. Xây dựng môi trường văn hóa số phù hợp với nền kinh tế số, xã hội số và công dân số.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng và triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách nhằm tạo đột phá cho phát triển nhân lực chất lượng cao, nâng cao kỹ năng học tập suốt đời, năng lực và năng suất của lực lượng lao động Việt Nam. Thúc đẩy đưa lao động có tay nghề đi làm việc tại những thị trường có thu nhập cao, an toàn; bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của công dân Việt Nam ở nước ngoài.

- Đẩy mạnh hợp tác, tranh thủ nguồn lực quốc tế, quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu. Từng bước hoàn thành cam kết quốc tế và đóng góp có trách nhiệm vào các nỗ lực quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu, mất đa dạng sinh học và ô nhiễm môi trường.

- Tích cực mở rộng, đa dạng hóa thị trường khách du lịch quốc tế, chú trọng các thị trường có tiềm năng, có nguồn khách lớn, có mức chi tiêu cao và lưu trú dài ngày. Đẩy mạnh trao đổi kinh nghiệm, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, thu hút đầu tư và hỗ trợ đào tạo nhân lực về du lịch. Tích cực hợp tác, liên kết khu vực để phát triển sản phẩm du lịch, quảng bá điểm đến chung.

- Đẩy mạnh chuẩn hóa, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ngang tầm khu vực và quốc tế. Khuyến khích các trường đại học, viện nghiên cứu trong nước hợp tác, liên kết với cơ sở giáo dục - đào tạo có chất lượng cao, mở văn phòng đại diện hoặc chi nhánh ở nước ngoài. Đẩy mạnh việc công nhận

lẫn nhau về văn bằng, chứng chỉ, chương trình đào tạo và kỹ năng nghề giữa Việt Nam và các nước.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo nhân lực, quản lý khám chữa bệnh, y tế dự phòng, quản lý môi trường và thiết bị y tế. Đẩy mạnh hợp tác về chia sẻ bản quyền và công nghệ nhằm đưa ngành công nghiệp dược tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu ngang tầm quốc tế.

- Chủ động tham gia các khuôn khổ hợp tác quốc tế về thông tin truyền thông, đẩy mạnh kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Nâng cao hiệu quả sử dụng các phương tiện truyền thông mới, ứng dụng các nền tảng số trong triển khai công tác thông tin đối ngoại và ngoại giao số.

2.6. Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước

- Đẩy mạnh rà soát và nâng cao hiệu quả nhiệm vụ nội luật hóa pháp luật quốc tế để góp phần thực hiện đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các nghĩa vụ, cam kết quốc tế, phù hợp với điều kiện của đất nước và bối cảnh quốc tế mới.

- Phát huy vai trò của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong việc giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật và các cam kết về hội nhập quốc tế. Nâng cao trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong việc rà soát, kiểm tra, đôn đốc và giám sát thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng và thực thi pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về hội nhập quốc tế, tăng cường tính tương thích giữa các cam kết, thỏa thuận quốc tế với các quy định của nội luật, cải thiện năng lực thực thi trên các lĩnh vực. Khẩn trương thể chế hóa, cụ thể hóa các chiến lược hội nhập quốc tế theo ngành, lĩnh vực. Chủ động xây dựng, hoàn thiện pháp luật liên quan đến kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng, hydrogen, giảm phát thải các-bon, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, chip bán dẫn, không gian vũ trụ.

2.7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều phối công tác hội nhập quốc tế; phát huy vai trò tích cực, chủ động của các địa phương

- Kiện toàn, tổ chức lại Ban Chỉ đạo quốc gia về hội nhập quốc tế, các cơ quan chuyên trách về đối ngoại và hội nhập quốc tế theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiện đại, chuyên nghiệp; tạo chuyển biến thực chất trong công tác phối hợp triển khai hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng và số lượng phù hợp đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế ở cả trung ương và địa phương, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn, kỹ năng cao và năng lực làm việc trong môi trường quốc tế. Tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

tin, thông về luật pháp, có khả năng tham gia hòa giải, giải quyết tranh chấp quốc tế. Tích cực bồi dưỡng, giới thiệu, tiễn cử cán bộ Việt Nam tham gia các tổ chức quốc tế.

- Đổi mới, nâng cao tính chủ động, chất lượng, hiệu quả và tăng cường phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực; giữa trung ương và địa phương trong công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu chiến lược liên quan đến hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ địa phương hội nhập quốc tế, phù hợp với các cam kết quốc tế, nhất là tranh thủ mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng nhân lực và khả năng ứng phó với tác động của môi trường quốc tế.

- Nâng cao tính chủ động, sáng tạo, tích cực, đồng bộ và hiệu quả của các địa phương và công tác ngoại vụ địa phương trong triển khai hội nhập quốc tế và tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị lớn; tăng cường kết nghĩa, hợp tác với các đối tác quốc tế.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các tỉnh ủy, thành ủy, ban đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương tổ chức quán triệt sâu sắc, đầy đủ Nghị quyết tới các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý; xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương mình quản lý.

- Đảng ủy Quốc hội phối hợp với Đảng ủy Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện pháp luật về hội nhập quốc tế; tăng cường kiểm tra, giám sát theo quy định.

- Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tế; phối hợp với Đảng ủy Quốc hội kịp thời thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, chính sách nêu trong Nghị quyết và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện Nghị quyết.

- Đảng ủy Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và các cấp ủy địa phương theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết; định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết; phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương hướng dẫn việc quán triệt thực hiện Nghị quyết và tăng cường tuyên truyền các nội dung của Nghị quyết./.